

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị H.

Cùng địa chỉ: Số nhà ... đường H, TDP C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lưu Hải H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Hẻm XC, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thùy N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường G, TDP C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Hải H trình bày:

Do quan hệ quen biết, vào ngày 18/8/2016 (Âm lịch) tức ngày 18/9/2016 (Dương lịch), ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H có cho bà Đỗ Thị Thùy N vay số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), không tính lãi suất để trang

trải cuộc sống gia đình, hẹn đến ngày 18/9/2016 (Âm lịch) tức vào ngày 18/10/2016 (Dương lịch) sẽ trả. Giấy vay tiền 190.000.000đồng là một khoản vay duy nhất mà vợ chồng ông L, bà H cho bà N vay. Khi vay, vợ chồng ông L, bà H chỉ cho một mình bà N vay, chồng bà N không biết, không liên quan gì tới khoản vay này nên nguyên đơn không yêu cầu chồng bà N phải trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên đến hạn, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Ông L, bà H đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng bà N vẫn cố tình chây ỳ, không chịu trả nợ. Nay ông L, bà H yêu cầu một mình bà N phải trả cho ông L, bà H số tiền nợ gốc 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Việc bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N xác định đã trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 110.000.000đ, và tiền lãi 12%/tháng đến tháng 10/2016 là không đúng.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 18/8/2016 (Âm lịch) tức vào ngày 18/9/2016 (Dương lịch), tôi có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H số tiền 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), lãi suất vay là 12%/tháng, hẹn đến ngày 18/9/2016 (Âm lịch) tức vào ngày 18/10/2016 (Dương lịch). Giấy vay tiền 190.000.000đồng gốc là do cộng dồn các khoản vay trước đó nên hai bên có đối chiếu công nợ, viết giấy vay tiền này. Việc vay tiền của ông L, bà H là do một mình tôi đứng ra vay, chồng tôi không biết, không liên quan gì tới khoản vay này. Đến tháng 10/2016, tôi đã trả cho ông L, bà H được số tiền nợ gốc là 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi đến tháng 10/2016. Vì tin tưởng nhau nên hai bên không làm giấy tờ giao nhận tiền trả nợ, tôi trực tiếp đưa tiền cho ông L, bà H, không có ai chứng kiến. Nay ông L, bà H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho ông L, bà H số tiền nợ gốc 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi thì do gia đình tôi đang khó khăn nên tôi chỉ đồng ý trả ông L, bà H cho số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000đồng, tôi không đồng ý trả 190.000.000đồng như yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 190.000.000đ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N phải trả tiền nợ gốc 190.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp 01 giấy mượn tiền có nội dung ngày 18/8/2016 (âm lịch) tức ngày 18/9/2016 dương lịch bà Đỗ Thị Thùy N có vay của ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H số tiền 190.000.000đ, mục đích vay để trang trải cuộc sống gia đình, thời hạn trả nợ là ngày 18/9/2016 âm lịch tức ngày 18/10/2016 dương lịch, bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N xác định có viết và ký vào giấy mượn tiền trên.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N xác định: Giấy vay tiền đề ngày 18/8/2016 (âm lịch) tức ngày 18/9/2016 dương lịch là do các bên đối chiếu công nợ và cộng dồn các giấy vay nợ trước đó thành giấy vay tiền 190.000.000^d; lãi suất vay là 12%/tháng; bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 110.000.000^d tiền gốc và tiền lãi đến tháng 10/2016. Tuy nhiên, bị đơn bà N không có tài liệu chứng cứ để chứng minh là khoản vay ngày 18/8/2016 âm lịch số tiền 190.000.000đ là cộng dồn từ các khoản nợ khác, không cung cấp được các chứng từ đã trả được số tiền 110.000.000^d nợ gốc và tiền lãi, lời trình bày của bị đơn cũng không được nguyên đơn thừa nhận, do đó không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Căn cứ vào chứng cứ giấy mượn tiền nguyên đơn cung cấp, xác định được việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H, buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là có căn cứ.

[2.3] Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thùy N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho các đương sự số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào: Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H.

Công nhận hợp đồng vay tài sản lập ngày 18/9/2016 giữa ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H và bà Đỗ Thị Thùy N.

Buộc Đỗ Thị Thùy N phải trả cho ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H số tiền nợ gốc 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Thùy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 9.500.000^d (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L, bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí 4.750.000^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, Đắk Lắk, biên lai số 0014849 ngày 14/12/2020.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên